TIẾT 4

Bài 4. PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ SỐ TỰ NHIÊN

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được số hạng, tổng; số bị trừ, số trừ, hiệu.
- Nhận biết được tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng.

2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày được kết quả thảo luận của nhóm trước lớp, tự tin tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.
- Năng lực tự chủ và tự học: Tự đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; tự nhận ra được sai sót và cách khắc phục sai sót.
- Năng lực mô hình hóa toán học: Sử dụng được các tính chất của phép cộng để giải quyết các bài toán tính nhanh, tính nhẩm.
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: HS phát hiện và sử dụng kiến thức về phép cộng, trừ để giải quyết vấn đề toán học trong tình huống thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực trao đổi, tự học, khám phá.
- Trung thực: Hoạt động nhóm báo cáo trung thực.
- Trách nhiệm: HS có trách nhiệm khi thực hiện hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS: Bộ đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: ĐẶT VẤN ĐỀ (3 phút)

a) Mục tiêu: Giúp HS nhận thức nhu cầu sử dụng các phép tính cộng, trừ.

b) Nội dung: Bài toán (SGK).

c) Sản phẩm: *(Dự kiến)*

– HS tính được tổng số tiền phải trả: 69 nghìn đồng.

– Số tiền được trả lại là 31 nghìn đồng.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV chiếu đề bài lên bảng. Yêu cầu HS đọc và trả lời, chưa yêu cầu viết phép tính. GV nhận xét đánh giá, giới thiệu bài mới.	HS đọc đề bài. Suy nghĩ và trả lời.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (25 phút)

1. Cộng hai số tự nhiên

a) Mục tiêu: Giúp HS nhớ lại khái niệm số hạng, tổng. Sử dụng tính chất của phép cộng để tính nhanh, tính hợp lí.

b) Nội dung:

– Phần Đọc hiểu – Nghe hiểu trong SGK.

Vận dụng 1: Thực hiện HĐ1, HĐ2 trên phiếu học tập, rút ra được tính chất của phép cộng và nội dung phần Chú ý.

– Thực hiện Ví dụ.

c) Sản phẩm:

– HS viết và ghi nhớ kí hiệu: a + b = c (a, b gọi là số hạng, c gọi là tổng).

Vận dụng 1: Diện tích gieo trồng lúa vụ Thu Đông năm 2018 của Đồng bằng sông Cửu Long là: 713 200 + 14 500 = 727 700 (ha).

– HĐ1: a) a + b = 28 + 34 = 62; b + a = 34 + 28 = 62.

b) a + b = b + a.

– HĐ2: a) (a + b) + c = (17 + 21) + 35 = 38 + 35 = 73;

a + (b + c) = 17 + (21 + 35) = 17 + 56 = 73.

b) (a + b) + c = a + (b + c).

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Cho HS đọc phần Đọc hiểu – Nghe hiểu SGK, yêu cầu trình bày lại kiến thức, lấy ví dụ minh hoạ. GV chiếu Hình 1.6 yêu cầu HS nhận biết, sử dụng khái niệm: số hạng, tổng. Chiếu nội dung Vận dụng 1. Yêu cầu HS đọc và tính toán theo yêu cầu.	Đọc SGK theo yêu cầu, trình bày được kí hiệu tổng hai số, lấy ví dụ. HS quan sát tia số, trả lời. HS đọc và thực hiện cá nhân.

Nhận xét, đánh giá bài làm của HS.	1 HS lên bảng trình bày, HS lớp nhận xét, chia sẻ.
– Yêu cầu HS thực hiện cặp đôi thực hiện HĐ1, HĐ2. Khám phá tính chất của phép cộng số tự nhiên.	HS hoạt động cặp đôi thực thực hiện theo hướng dẫn. Đại diện 2 nhóm lên trình bày kết quả. HS lớp nhận xét.
Nhận định đánh giá, chốt lại bằng Hộp kiến thức SGK.	Nghe, ghi chép.
Cho HS lấy các ví dụ về phép cộng với số 0, tổng 3 số a, b, c.	HS lấy ví dụ theo hướng dẫn.
Giới thiệu phần Chú ý SGK.	Nghe hiểu.
Đưa nội dung Ví dụ cho HS thực hiện.	HS quan sát đề bài, phát hiện ra các số có thể nhóm lại thành tổng tròn chục, tròn trăm...
Hướng dẫn chung cả lớp hoàn thành phần Ví dụ.	HS đọc chia sẻ của Pi: *Khi cộng nhiều số, ta nên nhóm những số hạng có tổng là số tròn chục, tròn trăm... (nếu có).*
Yêu cầu HS thực hiện cá nhân Luyện tập 1. Nhận định, đánh giá kết quả.	HS thực hiện cá nhân. 1 HS lên bảng trình bày, HS lớp nhận xét, chia sẻ.

2. Phép trừ số tự nhiên

a) Mục tiêu: Giúp HS nhớ lại các thuật ngữ: Số bị trừ, số trừ, hiệu. Nhận biết được trong tập $\mathbb{N}$ phép trừ a – b chỉ thực hiện được nếu $a \geq b$. Thực hiện phép trừ các số tự nhiên chính xác, hợp lí.

b) Nội dung:

– HS thực hiện bài tập: a) Tính: 3 + 4; b) 7 – 4; c) Ta có: 8 + 4 = 12 hãy tính 12 – 8.

– Phần Đọc hiểu – Nghe hiểu trong SGK.

c) Sản phẩm: HS viết và ghi nhớ kí hiệu: a – b = c (a là số bị trừ, b là số trừ, c là hiệu). Trong tập $\mathbb{N}$ phép trừ a – b chỉ thực hiện được nếu $a \geq b$.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV giới thiệu: Với hai số tự nhiên a, b đã cho, nếu cho a = b + c thì ta có phép trừ a – b = c.	HS quan sát nghe hiểu.

Yêu cầu HS xác định đâu là: Số bị trừ, số trừ, hiệu? Yêu cầu HS lấy ví dụ. Yêu cầu HS tính: 7 – 4 = **?** 7 – 8 = **?** Sử dụng tia số giải thích, cho HS rút ra được kiến thức từ chia sẻ của Pi.	 HS trả lời, lấy ví dụ. Trả lời: 7 – 4 = 3; 7 – 8 không thực hiện được. Qua sát tia số trong hai trường hợp Hình 1.7; 1.8 SGK. Thấy điều kiện để phép trừ thực hiện được.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (7 phút)

a) Mục tiêu: Củng cố tính chất về phép cộng số tự nhiên, thực hiện được phép tính cộng, trừ chính xác, hợp lí.

b) Nội dung:

Luyện tập 1: Tính một cách hợp lí: 117 + 68 + 23.

Luyện tập 2: Tính: 865 279 – 45 027.

c) Sản phẩm:

Luyện tập 1: 117 + 68 + 23 = 117 + 23 + 68 = (117 + 23) + 68 = 140 + 68 = 208.

Luyện tập 2: 865 279 – 45 027 = = 820 252.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Cho HS hoạt động cá nhân thực hiện đồng thời 2 bài Luyện tập.	Làm bài cá nhân.
Yêu cầu 2 HS lên bảng, HS lớp kiểm tra chéo vở.	2 HS lên bảng, HS lớp kiểm tra chéo.
Nhận định, đánh giá bài làm của HS.	Báo cáo kết quả kiểm tra.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG (8 phút)

a) Mục tiêu: Củng cố tính chất phép cộng số tự nhiên, thực hiện được các phép tính chính xác. Sử dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn đơn giản.

b) Nội dung: Vận dụng 2; Bài tập: 1.17; 1.18; 1.22 trong SGK.

c) Sản phẩm:

Vận dụng 2: Số tiền bạn Mai phải trả là: 18 000 + 21 000 + 30 000 = 69 000 (đồng).

Số tiền bạn Mai được trả lại là: 100 000 – 69 000 = 31 000 (đồng).

Bài tập 1.17 (SGK tr.16):

a) 63 548 + 19 256 = 82 804;

b) 129 107 – 34 693 = 94 414.

Bài tập 1.18 (SGK tr.16): **?** = 6 789.

Bài tập 1.22 (SGK tr.16):

a) 285 + 470 + 115 + 230 = (285 + 115) + (470 + 230) = 400 + 700 = 1 100.

b) 571 + 216 + 129 + 124 = (571 + 129) + (216 + 124) = 700 + 340 = 1 040.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	**Hoạt động của HS**
Cho HS thực hiện bài tập mở đầu theo nhóm khoảng 4 HS. Yêu cầu HS viết phép tính, ghi kết quả. Gợi ý (nếu cần): Tính tổng số tiền bạn Mai phải trả. Sau đó tính số tiền bạn Mai được trả lại.	Thảo luận nhóm.
GV chiếu lời giải của bài tập, nhận xét việc thực hiện bài của HS.	Đại diện nhóm báo cáo kết quả.
Chiếu bài tập 1.18. yêu cầu HS trả lời. Gợi ý: sử dụng tính chất giao hoán của phép cộng.	HS trả lời, giải thích.
Đưa đề bài tập 1.22, yêu cầu HS thực hiện cá nhân. Nhận định, đánh giá kết quả bài làm của HS, chú ý sử dụng các tính chất để tính hợp lí.	HS thực hiện cá nhân. 2 HS lên bảng chữa bài, HS lớp quan sát bài của bạn và nhận xét.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

– Ôn tập lại kiến thức về tính chất phép cộng số tự nhiên.

– Làm các bài tập 1.19, 1.20, 1.21/SGK tr.16.

– Tìm hiểu trước bài 5: *Phép nhân và phép chia số tự nhiên*.